TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02167

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV102 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09122141	TRẦN THỊ THANH	TIỀN	DH09QT	1		1,6	1,6	4,9	8,1	8	1
38	10122172	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH10QT	1		1,7	1,8	4,8	8,3	8	3
39	09122147	LÊ HOÀNG THẢO	TRÂM	DH09QT	1		1,7	1,6	4,6	7,9	7	9
40	10150088	TRỊNH VĂN	TRẬN	DH10TM	1		1,5	1,6	4,4	7,5	7	5
41	10122186	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	DH10QT	1		1,7	2	6	9,7	9	7
42	10122189	PHẠM THỊ	TUYẾT	DH10QT	1		1,7	2	5,0	8,7	8	7
43	09122157	TRẦN TRỌNG	VĂN	DH09QT	1		1,7	1,6	4,6	7,9	7	9
44	09122159	NGUYỄN KIỀU	VÂN	DH09QT	1		1,6	1,6	5,3	8,5	8	5
45	10122201	TRẦN THỊ THÚY	VI	DH10QT	1		1,7	2	5,8	9,5	9	5
46	09122165	TÔN THỊ QUỲNH	VY	DH09QT	1		1,6	1,6	4,4	7,6	7	6
47	09122166	TRẦN THỊ HỒNG	VY	DH09QT	1		1,6	1,2	5,1	7,9	7	9
48	10150104	BÙI THỊ HOÀNG	YẾN	DH10TM	1		1,6	1,8	4,4	7,8	7	8
49	09122167	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH09QT	1		1,6	1,6	5,3	8,5	8	5
50	09122168	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH09QT	1		1,7	1,6	5,5	8,8	8	8

Số bài: 50 ; Số tờ: 50

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Văn Trọng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02167

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10155006	NGUYỄN TRUNG	SUỐT	DH10KN	1		1,6	1,8	4,2	7,6	7	6
20	09122117	NÔNG VĂN	SỰ	DH09QT	1		1,6	1,2	5,1	7,9	7	9
21	10122135	NGÔ NGUYỄN THÀNH	TÀI	DH10QT	1		1,7	1,9	6	9,1	9	1
22	10122136	VƯƠNG TẤN	TÀI	DH10QT	1		1,8	2	5,7	9,5	9	5
23	10150073	NGUYỄN ĐỨC	TẤN	DH10TM	1		1,7	1,8	6	9,5	9	5
24	10122141	BÙI THỊ KIM	THANH	DH10QT	1		1,7	1,8	4,4	7,9	7	9
25	10122142	ĐẶNG BÁ	THANH	DH10QT	1		1,8	2	5,6	9,4	9	4
26	09122120	ĐỖ THỊ HOÀI	THANH	DH09QT	1		1,6	1,2	5,1	7,9	7	9
27	09122130	BÙI THỊ MAI	THI	DH09QT	1		1,6	1,6	4,8	8,0	8	0
28	09122171	ĐẶNG THỊ	THOA	DH09QT	1		1,8	2	4,0	7,8	7	8
29	09122132	PHẠM VĂN	THÔNG	DH09QT	1		1,9	2	6	9,9	9	9
30	09122133	PHẠM THỊ KIM	THƠ	DH09QT	1		1,6	1,2	5,5	8,3	8	3
31	10150082	HOÀNG THỊ	THỦY	DH10TM	1		1,7	1,6	5,7	9,0	9	0
32	10150083	PHẠM THỊ THU	THỦY	DH10TM	1		1,7	1,6	5,2	8,5	8	5
33	10122158	HUỲNH THỊ	THÚY	DH10QT	1		1,8	2	5,3	9,1	9	1
34	09122137	VŨ THỊ THANH	THÚY	DH09QT	1		1,6	1,2	4,7	7,5	7	5
35	09122139	LÊ THỊ THANH	THƯƠNG	DH09QT	1		1,7	1,6	6	9,3	9	3
36	09122140	PHẠM THỊ MỸ	TIÊN	DH09QT	1		1,6	1,8	4,9	8,3	8	3

Số bài:...50.....; Số tờ:...50.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến

Phạm Văn Trọng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02167

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV102 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09122091	LÊ THỦY	NGÂN	DH09QT	1		1,6	1,8	3,9	7,3	7	3
2	10155045	NGUYỄN THỊ MINH	NGHĨA	DH10KN	1		1,7	1,8	4,5	8,0	8	0
3	09122093	VŨ DUY	NGHIỆM	DH09QT	1		1,6	1,2	5,2	8,0	8	0
4	10122100	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGOAN	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
5	10122104	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	DH10QT	1		1,6	1,6	4,8	8,0	8	0
6	10150051	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	DH10TM	1		1,7	1,7	6	9,4	9	4
7	09122096	PHẠM VĂN	NGỌC	DH09QT	1		1,6	1,2	4,6	7,4	7	4
8	09150069	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	DH09TM	1		1,5	2	5,8	9,3	9	3
9	10150060	NGUYỄN THỊ	OANH	DH10TM	1		1,8	2	4,9	8,7	8	7
10	10150061	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH10TM	1		1,5	1,8	4,1	7,4	7	4
11	09122104	NGÔ THANH	PHONG	DH09QT	1		1,6	1,2	4,3	7,1	7	1
12	10122119	LÊ THỊ	PHỚI	DH10QT	1		1,8	2	5,4	9,2	9	2
13	10150064	DƯƠNG THỊ	PHÚC	DH10TM	1		1,7	1,6	4,6	7,9	7	9
14	10122122	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	DH10QT	1		1,8	1,6	4,0	7,4	7	4
15	09122108	TRẦN NGUYỄN DIỄM	PHƯƠNG	DH09QT	1		1,6	1,6	5,1	8,3	8	3
16	10122129	ĐOÀN THỊ	PHƯỢNG	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
17	10122132	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	DH10QT	1		1,8	2	5,9	9,7	9	7
18	09122114	PHAN HỒNG	SƠN	DH09QT	1		1,6	1,8	4,3	7,7	7	7

Số bài: 50 ; Số tờ: 50

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến

Phan Văn Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng T Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02649

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	DH10QT			1,8	1,2	4,4	7,4	7	4
20	10122167	ĐẶNG VÕ THÙY	TRANG	DH10QT			1,8	1,2	3,8	6,8	6	8
21	09122146	ĐẶNG NGỌC	TRÂM	DH09QT			1,9	1,8	5,0	8,7	8	7
22	10155059	ĐINH HỮU	TRUNG	DH10KN			1,6	1,2	3,7	6,5	6	5
23	10122183	HUỲNH CAO	TUYỀN	DH10QT			1,5	2	3,9	7,4	7	4
24	09122156	PHAN TÚ	UYÊN	DH09QT			1,7	1,8	5,6	9,1	9	1
25	10122198	PHAN THỊ TUYẾT	VÂN	DH10QT			1,8	1,2	4,1	7,1	7	1

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng T Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02649

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09122080	NGUYỄN THỊ DẠ	LY	DH09QT			1,9	1,2	4,9	8,0	8	0
2	08150084	~~TRƯƠNG TRẦN KIỀU~~	~~MY~~	~~DH08TM~~							0	
3	10150044	TRẦN ĐẠI	NAM	DH10TM			1,9	1,2	5,6	8,7	8	7
4	09122170	THỊ PHƯƠNG	NGOAN	DH09QT			2	1,2	4,3	7,5	7	5
5	10122108	PHẠM THỊ	NHÀI	DH10QT			1,7	1,2	4,8	7,7	7	7
6	09122109	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH09QT			1,7	2	4,3	8,0	8	0
7	10155027	ĐOÀN TRUNG	QUÂN	DH10KN			1,6	1,2	4,0	6,8	6	8
8	09122113	TRẦN BẢO	SANG	DH09QT			1,7	1,2	5,1	8,0	8	0
9	10122140	LÊ LONG	TẤN	DH10QT			1,7	2	4,5	8,2	8	2
10	10155007	MẠCH THỊ KIM	THANH	DH10KN			1,6	2	5,7	9,3	9	3
11	09122121	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	DH09QT			2	2	6	10	10	0
12	09122122	VŨ NGỌC	THÀNH	DH09QT			1,7	1,8	5,7	9,2	9	2
13	09122123	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	DH09QT			1,7	2	4,7	8,4	8	4
14	10122152	LÊ THỊ	THÊM	DH10QT			1,7	2	5,0	8,7	8	7
15	10122154	~~PHAN HOÀNG NGỌC~~	~~THIÊN~~	~~DH10QT~~							0	
16	07150143	ĐỖ TẤN	THỊNH	DH08TM			0	0	4,0	4,0	4	0
17	10155008	VŨ MINH	THỌ	DH10KN			1,4	1,2	4,2	6,8	6	8
18	09122134	PHẠM THỊ BÍCH	THÙY	DH09QT			1,9	1,2	4,8	7,9	7	9

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02628

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09164002	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH09QT	1		1,7	2	5,2	8,9	8	9
20	09122062	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	DH09QT	1		2	1,2	5,0	8,2	8	2
21	10122074	LÝ MINH	KHA	DH10QT	1		1,7	1,2	5,4	8,3	8	3
22	10155055	CÁP LÊ VƯƠNG	KHÁNH	DH10KN	1		1,7	2	4,2	7,9	7	9
23	09122066	PHAN VĂN	KHỎE	DH09QT	1		2	1,2	4,8	8,0	8	0
24	09150047	LÊ THỊ	LÀNH	DH09TM	1		1,7	2	3,3	7,0	7	0
25	09122072	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN	DH09QT	1		1,6	1,8	5,0	8,4	8	4
26	09122077	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH09QT			1,8	1,8	5,2	8,8	8	8

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

M. Hoàng Thị Nhi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Ng. T. Bình Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02628

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10155051	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	DH10KN	1		1,7	2	4	7,7	7	7
2	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	DH10KN	1		1,7	1,2	4,6	7,5	7	5
3	09122010	TRẦN THỊ	CẨM	DH09QT	1		1,9	1,8	4,7	8,4	8	4
4	10122040	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP	DH10QT	1		1,7	1,2	5,4	8,3	8	3
5	09122022	LÊ MINH	ĐỨC	DH09QT	1		1,8	1,8	5,0	8,6	8	6
6	09122027	BÙI PHI	HẢI	DH09QT	1		1,9	1,2	5,9	9,0	9	0
7	09122031	TRẦN MINH	HẢI	DH09QT	1		2	1,2	4,8	8,0	8	0
8	10150012	TRỊNH THỊ HOÀNG	HẢI	DH10TM	1		1,5	2	5,9	9,4	9	4
9	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	DH10QT	1		1,8	1,2	4,6	7,6	7	6
10	10150013	NGÔ THỊ	HẰNG	DH10TM	1		1,7	2	3,6	7,3	7	3
11	09122048	LÊ THỊ MỸ	HÒA	DH09QT	1		1,9	1,8	5,5	9,2	9	2
12	10150016	PHẠM THỊ	HÒA	DH10TM	1		1,6	2	6	9,6	9	6
13	09122050	BÙI HUY	HOÀNG	DH09QT	1		1,8	1,8	5	8,6	8	6
14	10122061	LÊ ĐÌNH	HOÀNG	DH10QT	1		1,2	2	4,4	7,6	7	6
15	09122051	ĐINH XUÂN	HOẠT	DH09QT	1		1,8	1,8	4,5	8,1	8	1
16	09122056	NGUYỄN THỊ	HUỆ	DH09QT	1		1,8	1,8	4,8	8,4	8	4
17	09122060	NGUYỄN NGỌC	HUỲNH	DH09QT	1		1,9	1,8	5,5	9,2	9	2
18	10155030	LƯƠNG THỊ	HƯƠNG	DH10KN	1		1,6	2	4,6	8,2	8	2

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Hoàng Thị Nụ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02627

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	10155037	PHAN THỊ	VÂN	DH10KN	1	[signature]	1,5	1,8	4,2	7,5	7	5
92	10150096	TRẦN THỊ MỸ	VÂN	DH10TM	1	[signature]	1,7	1,8	4,5	8,0	8	0
93	09150114	BÙI THỊ TƯỜNG	VY	DH09TM	1	[signature]	1,8	2	5,9	9,7	9	7
94	09150113	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	DH09TM	1	[signature]	1,8	2	5,4	9,2	9	2
95	10122204	NGUYỄN HẢI	YẾN	DH10QT	1	[signature]	1,7	1,8	4,0	7,5	7	5

Số bài: 93 ; Số tờ: 93

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Cô Cấn Long [signature]; Trương Thị Mỹ Vân [signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn: [signature] Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2: [signature] Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02627

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10122144	LÊ THỊ BÍCH	THANH	DH10QT	1		1,8	1,8	4,6	8,2	8	2
74	09150085	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH09TM	1		1,8	1,8	3,7	7,3	7	3
75	09150088	NGUYỄN HỮU HOÀNG	THÂN	DH09TM	1		1,7	1,8	4,3	7,8	7	8
76	09150093	CHU NGẠN	THƯ	DH09TM	1		1,7	1,8	4,4	7,9	7	9
77	10122170	NGUYỄN NGUYỄN THÙY	TRANG	DH10QT	1		1,6	2	5,2	9,0	9	0
78	09150099	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	DH09TM	1		1,7	1,6	4,9	8,2	8	2
79	10155046	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	DH10KN	1		1,6	1,8	5,2	8,6	8	6
80	09150100	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH09TM	1		1,7	1,6	5,2	8,5	8	5
81	09150101	PHAN THỊ THÙY	TRANG	DH09TM	1		1,8	2	5,7	9,5	9	5
82	09150103	TRẦN THANH	TRANG	DH09TM	1		1,6	1,6	4,4	7,6	7	6
83	10122173	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	DH10QT	1		1,8	1,8	4,2	7,8	7	8
84	09150104	HUỲNH NGỌC THÙY	TRÂM	DH09TM	1		1,7	1,6	5,1	8,4	8	4
85	09122148	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	DH09QT	1		1,8	1,8	5,9	9,5	9	5
86	10155036	NGUYỄN ANH BẢO	TRÂN	DH10KN	1		1,6	1,8	5,1	8,5	8	5
87	10122179	MAI TIẾN	TRUNG	DH10QT	1		1,9	2	5,3	9,2	9	2
88	10122192	LÊ QUANG	TƯ	DH10QT	1		1,7	1,8	4,6	8,1	8	1
89	10150095	NGUYỄN VĂN	ƯA	DH10TM	1		1,7	1,8	5,2	8,7	8	7
90	10122196	NGUYỄN THANH	VÂN	DH10QT	1		1,8	1,8	4,8	8,4	8	4

Số bài:...93.....; Số tờ:...93.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02627

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09122097	VŨ ĐỖ TRÂN	NGUYÊN	DH09QT	1		1,7	1,8	5,2	8,7	8	7
56	10122110	BÙI THỊ ÁNH	NHI	DH10QT	1		1,7	1,6	5,7	9,0	9	0
57	10122114	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH10QT	1		1,6	2	5,7	9,5	9	5
58	09150070	LÊ THỊ THẢO	NHƯ	DH09TM	1		1,7	1,6	5,4	8,7	8	7
59	10121004	NGUYỄN THỊ ANH	NY	DH10QT	1		1,9	2	4,3	8,2	8	2
60	09150071	NGUYỄN TRẦN HỒNG	OANH	DH09TM	1		1,8	2	4,8	8,6	8	6
61	10122124	PHẠM BẠCH	PHỤNG	DH10QT	1		1,8	1,8	5,4	9,0	9	0
62	09150074	VÕ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	DH09TM	1		1,8	1,8	5,2	8,8	8	8
63	10122130	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHƯỢNG	DH10QT	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
64	10150068	NGUYỄN THỊ KIM	QUỲNH	DH10TM	1		1,7	1,6	5,6	8,9	8	9
65	10155020	DƯƠNG NGUYÊN	SANG	DH10KN	1		1,6	1,8	5,4	8,8	8	8
66	09150078	NGUYỄN THỊ HIỀN	SANG	DH09TM	1		2	2	6	10	10	0
67	09122112	NGUYỄN TIẾN	SANG	DH09QT	1		1,7	1,8	6	9,5	9	5
68	09122115	TRƯƠNG HOÀNG	SƠN	DH09QT	1		1,8	1,8	4,9	8,5	8	5
69	09150079	TRẦN THỊ MAI	SƯƠNG	DH09TM	1		1,7	1,6	5,6	8,9	8	9
~~70~~	~~09150081~~	~~TRẦN MINH~~	~~TÂM~~	~~DH09TM~~							0	0
71	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH10QT	1		1,7	1,6	5,1	8,4	8	4
72	10122149	VĂN VIỆT	THÁI	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0

Số bài:...93.....; Số tờ:....93.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Đỗ Bảo Long

Trương Thị Mỹ Uyên Thi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02627

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09122067	NGUYỄN THỊ KIM	KHUÊ	DH09QT	1		1,7	1,6	5,8	9,1	9	1
38	10122078	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	DH10QT	1		1,8	1,8	5,6	9,2	9	2
39	10122079	PHẠM THỊ THANH	LAN	DH10QT	1		1,7	1,6	5,9	9,2	9	2
40	09150052	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	DH09TM	1		1,7	1,6	5,3	8,6	8	6
41	09150054	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	DH09TM	1		1,7	1,6	5,1	8,4	8	4
42	10150034	CHU THỊ	LOAN	DH10TM	1		1,7	1,8	4,8	8,3	8	3
43	10122088	ĐOÀN THỊ KIM	LOAN	DH10QT	1		1,9	2	4,8	8,7	8	7
44	09122076	VŨ HOÀNG	LONG	DH09QT	1		1,7	1,8	4,8	8,3	8	3
45	09150057	LÊ ĐỨC	LỘC	DH09TM	1		1,7	1,8	5,0	8,5	8	5
46	10122089	LÊ THỊ THANH	LƯU	DH10QT	1		1,9	2	5,2	9,1	9	1
47	10122091	NGUYỄN THỊ	LÝ	DH10QT	1		1,6	2	5,3	8,9	8	9
48	09150061	NGUYỄN ĐĂNG	MẪN	DH09TM	1		1,8	2	5,1	8,9	8	9
49	10122095	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	DH10QT	1		1,7	1,6	4,8	8,1	8	1
50	09150064	MAI THỊ THẢO	MY	DH09TM	1		0	0	4,7	4,7	4	7
51	09150065	LÊ THỊ DIỆU	NGA	DH09TM	1		1,6	1,8	4,9	8,3	8	3
52	10122099	LÊ THÀNH	NGHĨA	DH10QT	1		1,9	2	5,2	9,1	9	1
53	10122103	ĐẶNG THỊ BÍCH	NGỌC	DH10QT	1		1,6	2	4,9	8,5	8	5
54	10122105	TRẦN THỊ	NGỌC	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0

Số bài: 93 ; Số tờ: 93

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02627

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10155013	PHẠM THỊ HỒNG	ĐOAN	DH10KN	1		1,5	1,8	5,2	8,5	8	5
20	10150010	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH10TM	1		1,7	1,8	4,8	8,3	8	3
~~21~~	~~09150025~~	~~PHẠM THỊ THU~~	~~HÀ~~	~~DH09TM~~								
22	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	DH09QT	1		0	0	3,4	3,4	3	4
23	09150028	NGUYỄN MINH	HẠNH	DH09TM	1		1,7	1,8	5,2	8,7	8	7
24	10122049	VÕ THỊ HỒNG	HẠNH	DH10QT	1		1,7	1,6	5,2	8,5	8	5
25	09150029	LÊ THỊ	HẰNG	DH09TM	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
26	09150030	LƯƠNG THÚY	HẰNG	DH09TM	1		1,7	1,6	4,7	8,0	8	0
27	09150031	MẠNH THỊ THU	HẰNG	DH09TM	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
28	10122054	TRẦN THỊ NGỌC	HẬU	DH10QT	1		1,7	1,6	4,8	8,1	8	1
29	09150034	NGUYỄN THỊ	HIẾU	DH09TM	1		1,7	1,6	4,9	8,2	8	2
30	09122045	VÕ TRỌNG	HIẾU	DH09QT	1		1,8	1,8	4,5	8,1	8	1
31	09150037	HÀ THỊ HỒNG	HUẾ	DH09TM	1		1,7	1,6	5,1	8,4	8	4
32	10122068	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	DH10QT	1		1,6	2	4,9	8,5	8	5
33	10150022	NGUYỄN QUỐC	HUY	DH10TM	1		1,7	1,8	4,3	7,8	7	8
34	10150023	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH10TM	1		1,7	1,8	4,5	8,0	8	0
35	09150043	LÊ THỊ NGỌC	KHÁNH	DH09TM	1		1,7	1,6	5,5	8,8	8	8
36	10122075	TRỊNH NGUYỄN MINH	KHIẾT	DH10QT	1		1,9	2	5,1	9,0	9	0

Số bài: 93 ; Số tờ: 93

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02627

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09150004	BÙI THỊ	ÁI	DH09TM	1		1,8	2	5,4	9,2	9	2
2	09150001	CHẾ HỒNG DUY	AN	DH09TM	1		1,7	1,6	4,5	7,8	7	8
3	09122001	NGUYỄN LÊ PHƯỚC	AN	DH09QT	1		2	2	6	10	10	0
4	10122004	HOÀNG THỊ MAI	ANH	DH10QT	1		1,7	1,6	4,8	8,1	8	1
5	09122004	VÕ THỊ TUYẾT	ANH	DH09QT	1		1,8	1,8	4,5	8,1	8	1
6	10122016	NGUYỄN GIANG	BĂNG	DH10QT	1		1,9	2	3,3	7,2	7	2
7	10122017	KHẤU DUY	BẰNG	DH10QT	1		1,6	2	4,4	8,0	8	0
8	09122007	ĐOÀN THANH	BÌNH	DH09QT	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
9	10155001	TRẦN THIỆN	CHÍ	DH10KN	1		1,6	1,8	4,5	7,9	7	9
10	10122022	HÀ NGUYÊN	CHƯƠNG	DH10QT	1		1,9	2	5,4	9,3	9	3
11	09122014	TRẦN THỊ	CÚC	DH09QT	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
12	10150005	PHẠM VIỆT	CƯỜNG	DH10TM	1		1,7	1,8	3,8	7,3	7	3
13	10122024	TRẦN ĐỨC	CƯỜNG	DH10QT	1		1,6	2	5,4	9,0	9	0
14	09150009	PHAN THỊ	DIỄM	DH09TM	1		1,8	2	4,9	8,7	8	7
15	09150016	BÙI THỊ KIM	DUYÊN	DH09TM	1		1,8	2	5,2	9,0	9	0
16	10122035	DƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10QT	1		1,7	1,6	5,3	8,6	8	6
17	10122039	ĐỖ HOÀNG	ĐẠT	DH10QT	1		1,7	1,8	4,2	7,7	7	7
18	09150020	PHẠM THỊ	ĐOAN	DH09TM	1		1,7	1,6	5,3	8,6	8	6

Số bài: 93 ; Số tờ: 93

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Đỗ Trần Long

Trương Thị Kiều Vân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02674

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10122096	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	DH10QT	1		1,9	1,8	4,6	8,3	8	3
20	10150046	HUỲNH PHƯƠNG	NGÂN	DH10TM	1		2	2	6	10	10	0
21	10150048	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	DH10TM	1		1,7	1,8	5,1	8,6	8	6
22	10122098	TRƯƠNG VĂN	NGHIỄL	DH10QT	1		1,9	1,8	4,1	7,8	7	8
23	09122095	CAO THỊ BÍCH	NGỌC	DH09QT	1		1,7	1,8	5,2	8,7	8	7
24	10122101	DƯƠNG THÁI	NGỌC	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
25	10122107	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	DH10QT	1		1,8	1,8	5,8	9,4	9	4
26	10155032	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	DH10KN	1		2	1,6	6	9,6	9	6
27	10122109	NGUYỄN THỊ KIM	NHẪN	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
28	10122113	TRẦN THỊ YẾN	NHI	DH10QT	1		1,9	1,8	5,2	8,9	8	9
29	10150058	PHẠM THỊ TUYẾT	NHUNG	DH10TM	1		1,7	2	5,4	9,1	9	1
30	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	DH10QT	1		1,7	1,6	4,4	7,7	7	7
31	10122121	NGUYỄN THỊ	PHỤNG	DH10QT	1		1,8	1,8	4,0	7,6	7	6
32	10122123	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHỤNG	DH10QT	1		1,9	1,8	5,6	9,3	9	3

Số bài: 31 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02674

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10122051	HUỲNH THỊ THÚY	HẰNG	DH10QT	1		1,8	1,8	6	9,6	9	6
2	10122052	PHAN THỊ THÚY	HẰNG	DH10QT	1		1,4	1,6	5,1	8,1	8	1
3	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	DH10QT	1		1,5	2	4,8	8,3	8	3
4	10150017	TRẦN THỊ	HOÀI	DH10TM	1		1,7	2	5,5	9,2	9	2
5	10155003	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	DH10KN	0					Vắng		
6	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	DH10QT	1		1,8	1,8	5,4	9,0	9	0
7	09150045	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH09TM	1		1,8	1,8	5,4	9,0	9	0
8	10150027	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH10TM	1		1,8	1,6	6	9,4	9	4
9	09122069	LÊ THỊ HỒNG	KIỀU	DH09QT	1		1,7	1,2	4,7	7,6	7	6
10	10122080	CAO VĂN	LÂM	DH10QT	1		1,7	1,6	4,1	7,4	7	4
11	10150031	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	DH10TM	1		1,7	1,8	5,1	8,6	8	6
12	10122083	ĐẶNG LÝ TRÚC	LINH	DH10QT	1		1,9	1,6	5,3	8,8	8	8
13	10122084	HỒ MỸ	LINH	DH10QT	1		1,9	1,6	5,8	9,3	9	3
14	10122085	HUỲNH THỊ MỸ	LINH	DH10QT	1		1,9	1,6	5,4	8,9	8	9
15	10150038	TRẦN THỊ LY	LY	DH10TM	1		1,8	1,9	6	9,7	9	7
16	10150039	LÊ THỊ HOÀNG	MAI	DH10TM	1		1,7	2	5,4	9,1	9	1
17	10150040	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	DH10TM	1		1,8	1,9	6	9,7	9	7
18	10150042	TẠ XUÂN	MAI	DH10TM	1		1,9	2	6	9,9	9	9

Số bài: 21 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02663

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (60 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10155028	ĐỖ VĂN	HẢI	DH10KN			2	1,6	4,1	7,7	7	7
20	10122044	NGUYỄN THỊ MINH	HẢI	DH10QT			1,7	1,6	3,9	7,2	7	2
21	10122047	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10QT			2	2	6	10	10	0
22	10122048	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	DH10QT			1,8	1,8	5,6	9,2	9	2
23	09122033	TRƯƠNG THỊ HUỆ	HẠNH	DH09QT			1,8	2	6	9,8	9	8
24	10122050	ĐẶNG THÚY	HẰNG	DH10QT			1,7	1,6	4,8	8,1	8	1

Số bài: 24 ; Số tờ: 24 (Tờ)

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02663

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10150002	NGUYỄN HÀ NHẤT	ÁI	DH10TM			1,8	1,9	6	9,7	9	7
2	10122002	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	DH10QT			1,9	1,6	5,9	9,4	9	4
3	09122003	ĐẶNG HIỀN VÂN	ANH	DH09QT			2	2	6	10	10	0
4	10122005	LÊ MINH	ANH	DH10QT			0	0	4,0	4,0	4	0
5	10122011	NGUYỄN HOÀNG	ÁNH	DH10QT			2	2	6	10	10	0
6	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	DH10QT			1,9	1,6	4,4	7,9	7	9
7	10122018	NGUYỄN CHÍ	BỀN	DH10QT			1,9	1,8	5,2	8,9	8	9
8	10122019	LÊ THỊ	BÔNG	DH10QT			2	2	6	10	10	0
9	10155035	PHAN VĂN	CẢNH	DH10KN			2	1,6	3,8	7,4	7	4
10	10122021	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	DH10QT			1,7	1,8	4,9	8,4	8	4
11	10150006	TRẦN THỊ HOÀNG	DIỆP	DH10TM			2	2	6	10	10	0
12	10122028	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH10QT			2	2	6	10	10	0
13	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	DH10QT			1,9	1,6	3,5	7,0	7	0
14	10122033	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH10QT			2	1,8	6	9,8	9	8
15	10122036	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	DH10QT			1,7	1,6	3,8	7,1	7	1
16	10122038	TRẦN THỊ BÍCH	ĐÀO	DH10QT			1,9	1,6	4,6	8,1	8	1
17	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	DH10QT			1,8	1,8	3,8	7,4	7	4
18	10150011	PHẠM THỊ	HÀ	DH10TM			1,7	2	5,1	8,8	8	8

Số bài: 24 ; Số tờ: 24 (TM)

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02675

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10150102	HUỲNH THỊ BÍCH	VY	DH10TM	1	Vy	1,7	1,8	5,4	8,9	9	9
38	10155033	HOÀNG THỊ BÌNH	YÊN	DH10KN	1	Yên	2	1,6	4,5	8,1	8	1
39	10122203	LƯƠNG THỊ	YẾN	DH10QT	1	Yến	1,8	1,8	5,2	8,8	8	8

Số bài: 39 ; Số tờ: 39 TN

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần N. T. Duyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày 13 tháng 05 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02675

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10150085	VŨ THỊ THANH	THÙY	DH10TM	1		1,7	1,8	5,2	8,7	8	7
20	10150084	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	DH10TM	1		1,8	1,9	6	9,7	9	7
21	10150086	DƯƠNG PHƯƠNG THANH	THƯ	DH10TM	1		1,7	2	5,3	9,0	9	0
22	10155022	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	DH10KN	1		2	1,6	3,6	7,2	7	2
23	10155039	VÕ MỘNG	TIỀN	DH10KN	1		1,7	1,6	5,2	8,5	8	5
24	10122165	VÕ TÀI	TÍN	DH10QT	1		1,9	1,8	5,2	8,9	8	9
25	10155034	NGUYỄN THUẬN	TOÀN	DH10KN	1		1,7	1,2	5,4	8,3	8	3
26	10122169	LÊ THỊ NHA	TRANG	DH10QT	1		1,7	1,6	5,2	8,5	8	5
27	10150087	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	DH10TM	1		2	2	6	10	10	0
28	10122171	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
29	10122176	NGUYỄN HUỲNH KIM	TRÂN	DH10QT	1		1,9	1,8	5,6	9,3	9	3
30	10150089	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	DH10TM	1		1,7	1,8	5,3	8,8	8	8
31	10122191	TRƯƠNG NG THANH	TÚ	DH10QT	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
32	10122182	CHU THANH	TUẤN	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
33	10122185	TÔ THỊ KIM	TUYẾN	DH10QT	1		1,9	2	4,2	8,1	8	1
34	10155011	LA THỊ	VÂN	DH10KN	1		2	1,6	5,6	9,2	9	2
35	10122195	LÊ THỊ THU	VÂN	DH10QT	1		1,8	1,8	4,8	8,4	8	4
36	10122199	NGUYỄN TƯỜNG	VI	DH10QT	1		1,8	1,9	6	9,7	9	7

Số bài: 39 ; Số tờ: 39 TV

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu Quang Khuê

Trần N. Duyên

Duyệt của Trường Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng T Bình Minh

Ngày 13 tháng 05 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02675

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 13/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10150065	HUỲNH LÊ UYÊN	PHƯƠNG	DH10TM	1		1,7	1,8	4,4	7,9	7	9
2	10122126	MAI THỊ MỸ	PHƯƠNG	DH10QT	1		2	2	6	10	10	0
3	09164003	NGÔ HẠ LINH	PHƯƠNG	DH09QT	1		1,7	1,8	5,5	9,0	9	0
4	10122127	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH10QT	1		1,9	1,9	6	9,8	9	8
5	10155056	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH10KN	1		1,7	1,6	5,1	8,4	8	4
6	10122128	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	DH10QT	1		1,9	1,6	4,7	8,2	8	2
7	10150066	PHẠM THỊ	QUYÊN	DH10TM	1		1,7	1,8	5,9	9,4	9	4
8	09164004	HOÀNG THỊ	QUỲNH	DH09QT	1		1,9	2	6	9,9	9	9
9	10150067	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	QUỲNH	DH10TM	1		1,7	1,8	5,1	8,6	8	6
10	10150070	PHẠM VĂN	SÁNG	DH10TM	1		1,7	1,8	5,1	8,6	8	6
11	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	DH10QT	1		1,5	2	3,9	7,4	7	4
12	09122116	NGUYỄN THỊ NHƯ	SƯƠNG	DH09QT	1		2	2	6	10	10	0
13	10122137	LÊ VĂN	TÂM	DH10QT	1		1,8	1,8	5,3	8,9	8	9
14	10122139	GIÒNG VY	TÂN	DH10QT	1		1,7	2	4,8	8,5	8	5
15	10122143	LÂM THANH	THANH	DH10QT	1		1,9	2	5,4	9,3	9	3
16	10150078	NGUYỄN CAO	THIÊN	DH10TM	1		1,8	1,6	4,3	7,7	7	7
17	10122156	PHẠM THỊ BÍCH	THU	DH10QT	1		1,9	2	6	9,9	9	9
18	10155057	NGUYỄN MẬU THỊ	THÙY	DH10KN	1		2	1,6	5,4	9,0	9	0

Số bài: 39 ; Số tờ: 39 TN

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu quang Khuê

Trần Nhật Lam Duyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngô Bình Minh

Ngày 13 tháng 05 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02147

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10122082	VI THỊ	LIÊN	DH10QT			1,8	1,6	4,5	7,9	7	9
38	09122073	MAI THỊ BÍCH	LIỄU	DH10QT			1,7	1,9	6	9,6	9	6
39	10150032	NGUYỄN KHÁNH	LINH	DH10TM			1,7	1,6	5,9	9,2	9	2
40	10122086	PHẠM THỊ MỸ	LINH	DH10QT			1,8	2	4,8	8,6	8	6
41	09122078	HÀ CÔNG	LUẬN	DH09QT			1,8	2	3,9	7,7	7	7
42	09122079	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	LY	DH09QT			1,6	1,6	4,4	7,6	7	6
43	10122090	NGUYỄN THỊ MỸ	LY	DH10QT			1,5	1,8	5,8	9,1	9	1
44	09122081	PHẠM THỊ MAI	LY	DH09QT			1,7	1,6	5,7	9,0	9	0
45	09122082	TRẦN THỊ TRÚC	LY	DH09QT			1,6	1,2	6	8,8	8	8
46	09122085	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MAI	DH09QT			1,6	2	4,5	8,1	8	1
47	10122093	NGUYỄN HIỂN	MINH	DH10QT			1,8	1,6	4,8	8,2	8	2
48	09122087	NGUYỄN NHẬT	NAM	DH09QT			1,5	1,8	3,8	7,1	7	1
49	09122088	LÊ THỊ BÉ	NĂM	DH09QT			1,7	1,7	6	9,4	9	4
50	09122090	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH09QT			1,6	1,6	5,1	8,3	8	3

Số bài:.....50...; Số tờ:....50.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Phan thị Tuyết Hồng; Hồ Lê Kỳ Luân

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ng T. Bình Minh

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02147

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09122032	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	DH09QT			1,7	1,6	5,8	9,1	9	1 (9,1)
20	09122034	TRƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	DH09QT			1,8	2	5,3	9,1	9	1
21	09122035	LÊ THỊ PHƯỢNG	HẰNG	DH09QT			1,6	1,2	4,5	7,3	7	3
22	10122057	HOÀNG THỊ	HOA	DH10QT			1,8	2	6	9,8	9	8
23	09122046	TRẦN THỊ THANH	HOA	DH09QT			1,7	1,6	5,9	9,2	9	2
24	09122052	LÂM VĂN	HÒA	DH09QT			1,6	1,8	5,6	9,0	9	0
25	10150019	LÊ XUÂN	HÒA	DH10TM			1,7	1,6	5,4	8,7	8	7
26	09122053	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH09QT			1,6	1,8	4,8	8,2	8	2
27	09122049	PHÙNG THỊ THƯƠNG	HOÀI	DH09QT			1,6	1,8	5,1	8,5	8	5
28	10122067	HOÀNG XUÂN	HỢP	DH10QT			1,6	1,6	3,9	7,1	7	1
29	10122069	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH10QT			1,8	1,6	4,4	7,8	7	8
30	09122061	TRẦN NAM	HÙNG	DH09QT			1,6	1,8	4,6	8,0	8	0
31	09122058	NGUYỄN THỊ KIM	HUYỀN	DH09QT			1,4	1,6	4,7	7,7	7	7
32	09164001	LƯƠNG NGỌC	HƯNG	DH09QT			1,6	1,8	4,8	8,2	8	2
33	10122070	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯNG	DH10QT			1,8	2	5,3	9,1	9	1
34	10122072	TRỊNH QUỐC	HƯNG	DH10QT			2	2	6	10	10	0
35	10150024	TRƯƠNG THỊ THU	HƯƠNG	DH10TM			1,7	1,6	5,7	9,0	9	0
36	10122076	VÕ CHÂU TRÚC	KHUÊ	DH10QT			1,8	2	5,5	9,3	9	3

Số bài:....50.....; Số tờ:.....50....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Thị Tuyết Hồng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. T. Bình Minh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02147

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (208427) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10122008	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	DH10QT			1,7	2	5,6	9,3	9	3
2	10122010	VÕ THỊ TUYẾT	ANH	DH10QT			1,8	2	4,6	8,4	8	4
3	09122005	ĐÀO MINH	ÂN	DH09QT			1,6	1,8	5,6	9,0	9	0
4	09122006	TRẦN THỊ	ÂN	DH09QT			1,6	1,2	5,1	7,9	7	9
5	10122014	VÕ THỤY NGỌC	ÂN	DH10QT			1,7	2	6	9,7	9	7
6	10150003	BÙI THỊ BI	BÔNG	DH10TM			1,5	1,6	4,9	8,0	8	0
7	09122011	VY THỊ LỆ	CẨM	DH09QT			1,6	1,3	6	8,9	8	9
8	09150008	PHẠN HOÀNG THANH T	CHI	DH09TM			1,5	2	5,1	8,6	8	6
9	09122012	TRẦN THỊ BÍCH	CHI	DH09QT			1,6	1,2	3,7	6,5	6	5
10	10150009	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	DH10TM			1,7	1,6	5,8	9,1	9	1
11	10122030	NGUYỄN BẢO	DUY	DH10QT			1,8	1,6	4,4	7,8	7	8
12	09122018	NGÔ THỊ PHƯƠNG	ĐÀI	DH09QT			1,7	1,7	6	9,4	9	4
13	09122020	TRẦN VƯƠNG NGỌC	ĐÔNG	DH09QT			1,6	1,8	4,2	7,6	7	6
14	09122021	HỒ THỊ	ĐƯƠNG	DH09QT			1,6	1,2	5,2	8,0	8	0
15	10122043	LƯƠNG THỦY	HÀ	DH10QT			1,6	1,6	4,9	8,1	8	1
16	09122028	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	DH09QT			1,6	1,8	5,1	8,5	8	5
17	09122029	NGUYỄN VĂN	HẢI	DH09QT			1,6	1,8	5,1	8,5	8	5
18	09122030	PHAN VIẾT	HẢI	DH09QT			1,6	1,8	5,3	8,7	8	7

Số bài:.....50.....; Số tờ:.....50.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Thị Tuyết Hồng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Thanh Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng.T.Bình Minh

Ngày tháng năm